

Số: 58/QĐ-UBQGCĐS

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024
của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

CHỦ TỊCH ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-UBQGCĐS ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

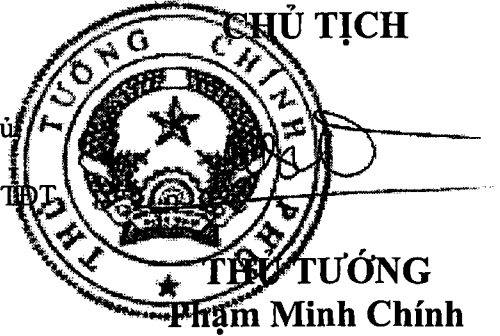
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức liên quan và Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTTT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, UBQGCĐS (2b).VTA



ỦY BAN QUỐC GIA
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBQGCS ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia theo hướng hiệu quả, thiết thực, đóng góp tích cực, tạo bứt phá phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và giai đoạn 2021 – 2025 của Chính phủ.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số của các Ủy viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (Ủy ban), Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai chuyển đổi số.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Mục tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu cụ thể ưu tiên để thực hiện chủ đề chuyển đổi số năm 2024 “Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững” bao gồm:

- Thúc đẩy phát triển 48000 doanh nghiệp công nghệ số hoạt động tại địa phương.

- 60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải.

- 40% người dân trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu, cụ thể: 25 dịch vụ công theo Đề án 06/CP (Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022) và 28 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- 100% hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC).

- 100% hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, địa phương kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- 100% các thôn, bản đang lǝm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động.

- 100% bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

2. Yêu cầu

- Bám sát thực tiễn, kế thừa và phát huy những kết quả đạt được, tạo bứt phá trong chuyển đổi số gắn với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; các bộ, ngành, địa phương phải chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác phối hợp triển khai.

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; tăng cường công tác kiểm tra, đo lường, giám sát, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ.

II. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|-----------|---|---|----------------------------|------------------------------|---------------------------|
| I | CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT | | | | |
| 1 | Tổ chức các phiên họp của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số | Các phiên họp, hội nghị được tổ chức | Hàng tháng | Bộ Thông tin và Truyền thông | Văn phòng Chính phủ |
| 2 | Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình chuyển đổi số | | | | |
| 2.1 | Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại bộ, ngành, địa phương | Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong phạm vi ngành, lĩnh vực của bộ, ngành, địa phương được ban hành. Yêu cầu có thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra, giám sát cụ thể | Trước ngày 30 tháng 4 | Các bộ, ngành, địa phương | - |
| 2.2 | Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã được ban hành | Các đoàn kiểm tra, giám sát được tổ chức thực hiện | (Theo Kế hoạch được duyệt) | Các bộ, ngành, địa phương | - |
| 3 | Xây dựng cơ chế, công cụ đo lường, giám sát việc triển khai Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số | Công cụ quản lý, đo lường các nhiệm vụ | Tháng 12 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| II | CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ | | | | |
| 1 | Lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số | Trình Chính phủ xem xét, thông qua | Tháng 6 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----|---|---|----------------------|---|--|
| 2 | Xây dựng và trình ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn đến năm 2030 và tầm nhìn 2035 | Chiến lược được ban hành | Tháng 11 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Đề án hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số để phát triển sản xuất thông minh giai đoạn đến năm 2030 | Đề án được ban hành | Tháng 12 | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 154/2013/NĐ-CP về khu công nghệ thông tin tập trung | Nghị định được ban hành | Tháng 12 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 5 | Thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại khu công nghiệp, khu chế xuất. Ưu tiên sử dụng giải pháp công nghệ số do các doanh nghiệp Việt Nam phát triển | 60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải | Tháng 12 | Các địa phương có khu công nghiệp, khu chế xuất | Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các doanh nghiệp công nghệ số |
| 6 | Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương | 48000 doanh nghiệp công nghệ số hoạt động | Tháng 12 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|------------|--|--|---|------------------------------|---------------------------|
| 7 | Thúc đẩy, kết nối các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số các ngành/lĩnh vực | <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị, hội thảo, diễn đàn kết nối giữa doanh nghiệp công nghệ số và các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các ngành/lĩnh vực khác; - Khuyến khích, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp số Việt Nam tham gia vào chuyển đổi số các ngành/lĩnh vực một cách thiết thực, hiệu quả | Thường xuyên | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| III | SỐ HÓA CÁC NGÀNH KINH TẾ | | | | |
| A | Thế chế, chính sách | | | | |
| 1 | Xây dựng Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy | Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành | Tháng 5 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 2 | Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng | Nghị định được ban hành | Bảo đảm đáp ứng tiến độ khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định | Nghị định được ban hành | Bảo đảm đáp ứng tiến độ khi | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----|---|---|---|------------------------------|------------------------------|
| | về thanh toán không dùng tiền mặt | | Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành | | |
| 4 | Hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam | Văn bản hướng dẫn | Tháng 6 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 5 | Xây dựng Kế hoạch, lộ trình sử dụng biên lai phí, lệ phí điện tử đối với tất cả các ngành, lĩnh vực | Kế hoạch, lộ trình được Bộ Tài chính ban hành | Tháng 8 | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, địa phương |
| 6 | Triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền chống thất thu thuế, thất thu ngân sách | - 100% cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên toàn quốc; - 80% trung tâm thương mại trên toàn quốc; - 50% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng | Tháng 11 | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, địa phương |
| 7 | Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2024 - 2025 | Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ ban hành | Tháng 8 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----------|--|--|----------------------------|--|--|
| 8 | Xây dựng Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên | Hồ sơ Đề án trình Thủ tướng Chính phủ | Tháng 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành; các tỉnh khu vực Tây Nguyên |
| B | Thúc đẩy số hóa ngành, lĩnh vực | | | | |
| 1 | Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | |
| 1.1 | Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành Nông nghiệp | - Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung | Quý I | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| | | - Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì | Quý I | | |
| 1.2 | Báo cáo, đề xuất Kế hoạch số hóa Ngành | Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể) | Quý II | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương |
| 1.3 | Tổ chức triển khai thực hiện số hóa ngành theo Kế hoạch được duyệt | Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt | (Theo Kế hoạch được duyệt) | | |
| 2 | Ngành Công Thương | | | | |
| 2.1 | Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành lĩnh vực: điện, năng lượng; công nghiệp chế biến, chế tạo. | - Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung | Quý II | Bộ Công Thương | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| | | - Tổ chức các Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì | Quý III | | |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|-----|--|--|----------------------------|-----------------------|------------------------------|
| 2.2 | Báo cáo, đề xuất Kế hoạch số hóa lĩnh vực: điện, năng lượng; công nghiệp chế biến, chế tạo | Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể) | Quý III | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương |
| 2.3 | Tổ chức triển khai thực hiện số hóa ngành theo Kế hoạch được duyệt | Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt | Theo Kế hoạch được duyệt) | | |
| 3 | Ngành Xây dựng | | | | |
| 3.1 | Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành Xây dựng | - Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung | Tháng 4 | Bộ Xây dựng | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| | | - Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì | Quý II | | |
| 3.2 | Báo cáo, đề xuất Kế hoạch số hóa Ngành | Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể) | Quý II | Bộ Xây dựng | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3.3 | Tổ chức triển khai thực hiện số hóa ngành theo Kế hoạch được duyệt | Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt | (Theo Kế hoạch được duyệt) | | |
| 4 | Quản lý các khu kinh tế (khu công nghiệp, khu chế xuất) | | | | |
| 4.1 | Tổ chức Phiên họp, Hội nghị ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất | - Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung | Tháng 4 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| | | - Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì | Quý II | | |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|-----|--|---|----------------------------|---|---------------------------|
| 4.2 | Báo cáo, đề xuất Kế hoạch ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất | Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể) | Quý II | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các bộ, ngành, địa phương |
| 4.3 | Tổ chức triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất theo Kế hoạch được duyệt | Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt | (Theo Kế hoạch được duyệt) | | |
| 5 | Các ngành, lĩnh vực khác | | | | |
| | <p>Tổ chức Hội nghị về chuyển đổi số để thúc đẩy số hóa ngành, lĩnh vực, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số tham gia chuyển đổi số ngành, lĩnh vực.</p> <p>Yêu cầu lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên gắn liền với thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực như: Đại học số; chăm sóc sức khỏe nhân dân; giao thông thông minh; tư pháp; quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; lao động - thương binh và xã hội; chuyển đổi xanh trong quản lý tài nguyên môi trường,...</p> | Hội nghị được Tổ chức và có nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số, số hóa các lĩnh vực cụ thể để triển khai, đạt kết quả. | Quý III | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Tư pháp; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Tài nguyên và Môi trường, ... | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|-----------|--|--|-----------------------|---|---------------------------|
| IV | QUẢN TRỊ SỐ | | | | |
| A | Thế chế, chính sách | | | | |
| 1 | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước | Nghị định được ban hành | Tháng 7 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |
| 2 | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước | Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành | Tháng 7 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Xây dựng, hoàn thiện Luật Lưu trữ sửa đổi | Luật Lưu trữ (sửa đổi) được ban hành | Tháng 6 | Bộ Nội vụ | Các bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Xây dựng, hoàn thiện báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung phương án xử lý đối với việc thực thi các Nghị quyết đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo phạm vi quản lý của từng bộ, ngành | Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ | Trước ngày 15 tháng 4 | Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật | Các bộ, ngành, địa phương |
| B | Nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến | | | | |
| 1 | Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp | Văn bản hướng dẫn | Thường xuyên | Văn phòng Chính phủ | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----|--|---|--|------------------------------|------------------------------------|
| | vụ, cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước | | | | |
| 2 | Hoàn thành triển khai các dịch vụ công thiết yếu (bao gồm 25 dịch vụ theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) | Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu | Tháng 8 | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Công an; Văn phòng Chính phủ |
| 3 | Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia | Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia, tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm | Thường xuyên | Văn phòng Chính phủ | Các bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Cung cấp, tích hợp 28 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ | Các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp | Theo lộ trình tại Quyết định số 206/QĐ-TTg | Các bộ, ngành, địa phương | Văn phòng Chính phủ |
| 5 | Xây dựng Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng đến năm 2030" | Trình Chính phủ ban hành | Tháng 6 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 6 | Tổ chức thực hiện Đề | Hoàn thành các mục | Tháng | Bộ | Các bộ, |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----------|---|---|----------------------|---------------------------|------------------------------|
| | án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng đến năm 2030" sau khi được phê duyệt | tiêu, nhiệm vụ giải pháp Đề án năm 2024 | 12 | Thông tin và Truyền thông | ngành, địa phương |
| 7 | Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC) | 100% Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương kết nối với EMC | Tháng 10 | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| C | Nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, sử dụng các nền tảng hỗ trợ quản trị | | | | |
| 1 | Hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương | 100% hệ thống báo cáo các bộ, ngành, địa phương kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ | Tháng 10 | Các bộ, ngành, địa phương | Văn phòng Chính phủ |
| 2 | Phát triển, hoàn thiện Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương thực hiện | Hoàn thiện, cung cấp dịch vụ khai thác, sử dụng cho các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | Văn phòng Chính phủ | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Thúc đẩy khai thác, sử dụng hiệu quả, rộng rãi ứng dụng công dân số VNeID | Mở rộng cung cấp ít nhất 10 dịch vụ tiện ích trên ứng dụng VNeID | Tháng 11 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----------|--|---|--|------------------------------|---|
| 4 | Thúc đẩy phát triển, ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức trong xây dựng văn bản pháp luật, thực thi công vụ; hỗ trợ người dân về các vấn đề pháp lý và các trợ lý ảo khác | <p>Hướng dẫn kỹ thuật và triển khai thử nghiệm Trợ lý ảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức; - Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; - Trợ lý ảo phục vụ người dân; - Trợ lý ảo khác. | Tháng 11 | Bộ Thông tin và Truyền thông | <ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp công nghệ số; - Các bộ, ngành, địa phương |
| 5 | Thí điểm cho phép chấm điểm khả tín khách hàng vay dựa trên đa nguồn dữ liệu, sau khi được sự đồng ý của người dân cho phép khai thác. | Triển khai thí điểm tại một số tổ chức tín dụng, ngân hàng | Tháng 9 | Bộ Công an | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam |
| 6 | Nghiên cứu giải pháp định danh tàu thuyền trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Thủ tướng giải pháp thực hiện; - Triển khai thí điểm | Tháng 7 (Báo cáo Thủ tướng giải pháp trước 30/4) | Bộ Công an | Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính |
| V | DỮ LIỆU SỐ | | | | |
| 1 | Lập đề nghị xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân | Trình Chính phủ xem xét, thông qua | Tháng 3 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----|---|--|----------------------|------------------------------|---|
| 2 | Lập đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu | Trình Chính phủ xem xét, thông qua | Tháng 5 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia | Quyết định được cấp có thẩm quyền ban hành | Tháng 9 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Nghiên cứu, đề xuất mô hình nghiệp vụ triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (gồm nghiệp vụ dữ liệu đầu vào, nghiệp vụ dịch vụ đầu ra, nghiệp vụ lõi), bảo đảm trước mắt phục vụ hiệu quả việc giải quyết thủ tục hành chính và việc phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội quốc gia, chỉ tiêu thống kê các bộ, ngành | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành | Tháng 9 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |
| 5 | Xây dựng, ban hành quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu (Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Trung tâm dữ liệu ngành) để phục vụ vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. | Quy chuẩn, tiêu chuẩn về Trung tâm dữ liệu được ban hành | Tháng 12 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|---------------------------------|---|---|-----------------------|------------------------------|---------------------------|
| 6 | Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Trung tâm dữ liệu quốc gia | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an được ban hành | Tháng 9 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |
| VI PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ | | | | | |
| A Thể chế, chính sách | | | | | |
| 1 | Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sửa đổi) | Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành | Trước ngày 15 tháng 4 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 2 | Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam | Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành | Trước ngày 15 tháng 4 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích | Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành | Trước ngày 15 tháng 4 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ | Nghị định được ban hành | Tháng 4 | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----------|---|---|-----------------------|------------------------------|-----------------------------|
| 5 | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử | Nghị định được ban hành | Trước ngày 01 tháng 5 | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương |
| B | Hạ tầng số | | | | |
| 1 | Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia | Hoàn thiện Trục liên thông văn bản quốc gia, kết nối liên thông 04 cấp các cơ quan trong hệ thống hành chính; mở rộng kết nối với các cơ quan trong hệ thống chính trị | Thường xuyên | Văn phòng Chính phủ | Các bộ, ngành, địa phương |
| 2 | Thương mại hóa dịch vụ viễn thông 5G | Mạng 5G được cấp phép triển khai chính thức | Tháng 12 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các doanh nghiệp viễn thông |
| 3 | Xóa vùng lùm sóng di động trên phạm vi toàn quốc | Phủ sóng băng rộng di động cho các thôn, bản đang lùm sóng và đã có điện lưới quốc gia | Tháng 11 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Phổ cập Internet cáp quang tới 100% thôn, bản trên toàn quốc | 100% nhà văn hóa thôn, bản đã có điện lưới quốc gia có kết nối Internet cáp quang băng rộng. Đối với các nơi có địa hình phức tạp, nguồn lực đầu tư lớn cần xây dựng báo cáo đánh giá, đề xuất cụ thể | Tháng 11 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|--|--|---|----------------------|------------------------------|---------------------------------------|
| VII ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN | | | | | |
| 1 | Triển khai, đưa vào sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ trên phạm vi toàn quốc | 100% bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng | Tháng 11 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 2 | Rà soát, đưa ra cảnh báo lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin các Công Thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương | Đưa ra cảnh báo với các bộ, ngành, địa phương. | Thường xuyên | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Rà soát, đánh giá tình trạng lộ lọt thông tin, dữ liệu cá nhân người dùng trên môi trường số, đưa ra cảnh báo | Đưa ra cảnh báo với các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | Bộ Công an | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| VIII TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ | | | | | |
| 1 | Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai Đề án “Kiến toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ) | Văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông | Tháng 4 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----|--|--|----------------------|------------------------------|---|
| 2 | Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số quốc gia, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số,... | Thường xuyên chỉ đạo tại giao ban báo chí hàng tuần; | Thường xuyên | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 3 | Đẩy mạnh hoạt động hướng dẫn, nâng cao kỹ năng, ứng phó với các tiêu cực trên mạng xã hội bằng các nội dung thiết thực, hiệu quả | Nắm bắt kịp thời, hạn chế các thông tin sai lệch, tiêu cực trên mạng xã hội và có giải pháp, định lượng cụ thể | Thường xuyên | Bộ Thông tin và Truyền thông | |
| 4 | Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các nền tảng số cho đội ngũ cán bộ, công chức; cán bộ chuyên trách; người dân, doanh nghiệp; cơ quan, cá nhân thuộc Mạng lưới chuyển đổi số từ trung ương đến cơ sở | Hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, sử dụng các nền tảng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp; cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số | Tháng 12 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương |
| 5 | Tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số để thu hút nguồn lực đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực chuyển đổi số | Các hoạt động hợp tác, đào tạo về chuyển đổi số, nhất là bồi dưỡng, phát triển nhân lực chuyển đổi số | Thường xuyên | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nhiệm vụ | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp |
|----|---|---------------------|----------------------|------------------------|---|
| 6 | Nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số nói chung và Đề án 06 nói riêng | Đề án được ban hành | Tháng 6 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan |

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm

Chỉ đạo các bộ, ngành thuộc lĩnh vực mình phụ trách tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch, thực hiện triển khai công tác số hóa ngành, lĩnh vực mình phụ trách để đẩy mạnh phát triển kinh tế số góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số có trách nhiệm

- Đôn đốc các Ủy viên Ủy ban, các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tình hình thực hiện Kế hoạch và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Công tác báo cáo thực hiện theo chế độ báo cáo định kỳ về chuyển đổi số.

- Phối hợp với Văn phòng Chính phủ tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Kế hoạch.

3. Các Ủy viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; các bộ, ngành, địa phương

- Chủ động chỉ đạo, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ, ưu tiên bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách được giao năm 2024 để thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương mình.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ được phân công, kết hợp các nhiệm vụ theo

chương trình, kế hoạch chuyển đổi số tại bộ, ngành, địa phương, xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương. Kế hoạch được xây dựng phải đảm bảo rõ việc, rõ cơ quan thực hiện, đo lường được kết quả thực hiện và đồng bộ với các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương mình.

- Chủ động, kịp thời báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, các phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện về Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số) để tổng hợp, phối hợp tháo gỡ, báo cáo cấp có thẩm quyền. Công tác báo cáo thực hiện theo chế độ báo cáo định kỳ về chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chủ động đề xuất những nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương mình để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia./.